TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2018/DS- ST
Ngày: 08 - 11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Quế và ông Lý A Hợi;

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-DS ngày 17/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N T ; địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh B - Có mặt;

Bị đơn: Bà L H ; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố 1, phường T, thành phố Đ, tỉnh B - Vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:* Ông L X; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh B - Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 27/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà N T trình bày:

Do có quen biết từ trước, nên bà T có ba lần cho bà L H vay tiền và vàng không tính lãi để giải quyết việc gia đình, hai bên có lập giấy tờ về việc này; cụ thể:

- Ngày 04/6/2007 bà H vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng;
- Ngày 21/6/2007 bà H vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng;
- Ngày 03/10/2007 bà H vay 45 cây vàng SJC 9999, thời hạn vay 6 tháng.

Đến ngày 26/10/2007 bà H bỏ nhà đi đâu không ai biết mà chưa trả tiền, vàng cho bà T . Bà T đã yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng tại nơi cư trú đối với bà H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng cho đến nay không có tin tức gì của bà H . Bà T yêu cầu bà H pX trả số tiền 700.000.000 đồng và 1.575.000.000 đồng trị giá 45 cây vàng SJC 9999 đã vay. Vàng tính theo giá thị trường loại vàng SJC 9999 tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 35.000.000 đồng một cây (*thực tế là 36.000.000 đồng một cây*), không yêu cầu tính lãi chậm trả khi đến hạn.

Bà H vay bà T số tiền và vàng nói trên trong thời gian còn là vợ chồng với ông L X , nên bà T yêu cầu ông X có nghĩa vụ liên đới trong việc trả nợ với bà H . Nếu chậm thi hành, bà T không yêu cầu tính lãi.

Quá trình hòa giải, bà T và ông X đã thống nhất: Trong trường hợp pX cưỡng chế thi hành án, ông X chỉ pX chịu trách nhiệm thi hành án trong phạm vi tài sản chung của ông X và bà H có trong thời kỳ hôn nhân (Từ 30/12/1985 đến 08/6/2010); những tài sản ông X , bà H có sau thời gian này không dùng làm tài sản để thi hành án. Chi phí giám định bà T tự nguyện chịu toàn bộ.

2. Bị đơn bà L H không có ý kiến trả lời Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà T .

3. Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/8/2018 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông L X trình bầy.

Ông X và bà L H (*Tên khác LT H*) kết hôn năm 1985, đến năm 2010 thì vợ chồng ly hôn. Quá trình chung sống, kinh tế gia đình do bà H quản lý nên việc bà H vay mượn tiền của ai ông X không biết. Khi được xem các giấy vay tiền, giấy vay vàng mà bà T nộp cho Tòa án, ông X mới biết bà H có vay bà T 700.000.000 đồng và 45 cây vàng SJC 9999 vào năm 2007, khi ông X và bà H còn là vợ chồng.

Cuối tháng 10/2007 bà H bỏ nhà đi đâu không ai biết, cho đến nay bà H chưa trở về. Ông X thấy mình có nghĩa vụ liên đới trong việc trả nợ cùng bà H, nhưng chỉ có trách nhiệm thi hành quyết định của Tòa án trong phạm vi tài sản chung của ông X và bà H có trong thời kỳ hôn nhân. Những tài sản ông X có sau thời điểm này không liên quan nên ông X không dùng làm tài sản để trả nợ. Ông X và bà H kết hôn năm 1985 nhưng không nhớ rõ ngày tháng, nên thời kỳ hôn nhân tính từ ngày cuối cùng của năm kết hôn là 30/12/1985 đến ngày bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật 08/6/2010.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên:

[

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Công nhận sự tự nguyện chịu chi phí giám định, không yêu cầu lãi nếu chậm thi hành án và trong trường hợp pX cưỡng chế thì chỉ yêu cầu thi hành trong phạm vi tài sản chung của bà H và ông X có trong thời kỳ hôn nhân (*30/12/1985 đến 08/6/2010*) của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 30/7/2018 bà N T nộp đơn khởi kiện vụ án Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện đối với bà L H, có địa chỉ tại tổ dân phố 05, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Sau khi bà T nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí, ngày 01/8/2018 Tòa án đã thụ lý vụ án theo Điều 195 Bộ luật Tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS).

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa bà N T và bà L H cùng có địa chỉ tại thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Các vấn đề khác: Theo yêu cầu của bà N T , xét thấy cần thiết nên ngày 15/8/2018 Tòa án đã bổ sung ông L X (*chồng trước đây của bà H*), có địa chỉ tại tổ dân phố 05, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời thông báo cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng khác được biết.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bản gốc giấy vay số tiền 500.000.000 đồng ngày 04/6/2007; Giấy vay số tiền 700.000.000 đồng ngày 21/6/2007; Giấy vay 45 cây vàng SJC 9999 ngày 03/10/2007 do bà N T nộp cho Tòa án đều có chữ ký, chữ viết L H ở phần người vay.

Hiện tại bà H bỏ nhà đi đâu bà T không biết. Theo yêu cầu của bà T , ngày 02/02/2018 Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã ban hành Quyết định số 04/TB-TA thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà H . Thông báo này đã được đăng trên báo Công lý trong ba số liên tiếp; phát trên sóng của đài tiếng nói Việt Nam ba lần liên tiếp; đăng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao và cổng thông tin điện tử của ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên theo quy định. Hết thời hạn ghi trong thông báo, không có tin tức gì của bà H . Bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền và vàng đã vay.

Sau khi thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng pX tống đạt cho bà H trong vụ án này đều được niêm yết công khai theo quy định của BLTTDS, nhưng đến nay bà H không có phản hồi gì, nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa bà T và bà H được.

Ông L X là chồng trước đây của bà L H (*Kết hôn năm1985, ly hôn năm 2010*) cung cấp cho Tòa án bản gốc giấy khai sinh của Lại Thu Hằng là con chung của ông X và và H . Ông X khẳng định chữ viết, chữ ký L H ở phần "*Người đi khai sinh*" là của bà L H . Tòa án đã trưng cầu giám định các chữ ký, chữ viết L H trên giấy khai sinh của cháu Hằng với chữ viết, chữ ký L H trên các bản gốc giấy vay tiền, vay vàng bà T nộp. Tại Kết luận giám định số 784/QĐ-PC09 ngày 14/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên

thể hiện: Các chữ ký, chữ viết L H dưới mục "*Người nhận tiền*" trên "*Giấy vay tiền*" ngày 04/6/2007; dưới mục "*Người vay*" trên "*Giấy vay tiền*" ngày 21/6/2007; dưới mục "*Bên vay vàng*" trên "*Giấy biên nhận vay vàng*" ngày 03/10/2007, là do cùng một người viết và ký ra; các chữ ký, chữ viết L H tại các giấy tờ nói trên với chữ viết, chữ ký L H dưới mục "*Người đi khai sinh*" trên "*Giấy khai sinh*" của Lại Thu Hằng ngày 05/02/1998, là do cùng một người viết và ký ra.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận bà H có vay của bà T tiền và vàng của bà T theo các giấy tờ vay bà T đã nộp cho Tòa án, khoản vay này của bà H có trong thời kỳ hôn nhân với ông X . Yêu cầu khởi kiện của bà T về việc bà H pX trả số 700.000.000 đồng và 1.575.000.000 đồng giá trị 35 cây vàng SJC 9999 với giá 35.000.000 đồng một cây (*Giá vàng SJC 9999 ở thời điểm xét xử sơ thẩm là 36.000.000 đồng một cây*) là có cơ sở để chấp nhận theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Ông X có trách nhiệm liên đới với bà H trong việc các trả khoản nợ này theo khoản 2 Điều 27 và khoản 6 Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình.

Bà T và ông X thỏa thuận: Ông X chỉ chịu trách nhiệm thi hành khoản nợ pX trả cùng bà H trong phạm vi khối tài sản chung của ông X , bà H có trong thời kỳ hôn nhân; Bà T không yêu cầu tính lãi nếu bà H và ông X chậm thi hành án. Thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, HĐXX cần công nhận.

Về án phí: Bà H và ông X pX chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền pX trả theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án là: 72.000.000 + (275.000.000 x 2%) = 77.500.000 đồng. Trả lại cho bà T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 466; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 6 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N T : Bà L H (*Tên khác: LTH*) và ông L X có trách nhiện trả cho bà N T số tiền 2.275.000.000 (*Hai tỷ hai trăm bẩy mươi lăm triệu*) đồng.

2. Chi phí tố tụng: Công nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ 4.920.000 (*Bốn triệu chín trăm hai mươi ngàn*) đồng chi phí giàm định của bà N T (*Đã nộp theo phiếu thu ngày 19/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Điện Biên*).

3. Về án phí: Bà L H và ông L X chịu 77.500.000 (*Bẩy mươi bẩy triệu năm trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà N T 38.750.000 (*Ba mươi tám triệu bẩy trăm năm mươi nghìn*) đồng tạm ứng án phí giá ngạch đã nộp theo biên lai số AA/2016/ 0001972 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Công nhận sự thỏa thuận của bà N T và ông L X như sau: Trong trường hợp pX cưỡng chế thi hành án, ông L X chỉ chịu trách nhiệm thi hành án trong phạm vi tài sản chung của ông L X và bà L H có trong thời kỳ hôn nhân (*Từ 30/12/1985 đến 08/6/2010*); những tài sản ông L X có sau thời gian này không dùng làm tài sản để thi hành án.

- Công nhận sự tự nguyện của bà N T như sau: Trong trường hợp pX cưỡng chế thi hành án, bà N T chỉ yêu cầu thi hành án trong phạm vi tài sản chung của bà L H và ông L X có trong thời kỳ hôn nhân (*Từ 30/12/1985 đến 08/6/2010*); những tài sản ông L X và bà L H có sau thời gian này không dùng làm tài sản để thi hành án.

- Nghĩa vụ chậm thi hành án: Công nhận sự tự nguyện của bà N T về việc không yêu cầu lãi trong trường hợp bà L H và ông L X chậm thi hành án.

- Thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pX thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*08/11/2018*), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung